

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HS-ST

Ngày 31 – 5 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Dân

Bà Cao Hồng Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Châu Long – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2022/TLST-HS ngày 06/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-HS ngày 18/5/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị N, sinh năm: 1963, tại Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 8, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 4/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Bình T (đã chết) và bà Hồ Thị Ú (còn sống); chồng: Ngô Văn M và 04 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bắt tạm giam ngày 27/01/2022, bị cáo bị tạm giam có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Dư Đình V, là Luật sư Văn phòng luật sư Lê Anh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà M (có mặt).

Bị hại: Ông Triệu Công B, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10 năm 2020, do thiếu nợ nhiều người nên bị cáo Lê Thị N nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho người khác vay lấy tiền trả nợ. Thực hiện ý định, bị cáo tìm trên mạng xã hội đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giá 5.000.000 đồng, hẹn giao giấy tại xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M.

Khoảng 01 tuần sau có người thanh niên liên hệ bị cáo đến Bưu điện xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M để giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo nhận giấy rồi trả cho người thanh niên 5.000.000 đồng.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, bị cáo gặp ông Triệu Công B thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là một năm, ông B cùng với bị cáo đến Văn phòng công chứng Đất Mky kết hợp đồng vay thế chấp, ông B giao bị cáo 150.000.000 đồng, bị cáo giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX 682292 tên Lê Thị N cho ông B.

Đến tháng 11 năm 2021 bị cáo trả cho ông B được 06 tháng tiền lãi là 27.000.000 đồng mà không có tiền trả lãi 06 tháng còn lại, hơn nữa số tiền vay đã đến hạn, do sợ bị phát hiện, nên bị cáo gặp ông B đề nghị đến Văn phòng công chứng Đất Mky hợp đồng chấm dứt hợp đồng vay tài sản ngày 20 tháng 11 năm 2020 để ký lại hợp đồng vay tài sản mới với số tiền 200.000.000 đồng và tiếp tục thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX 682292 tên Lê Thị N. Khi ông B và bị cáo ký tên vào hợp đồng chấm dứt hợp đồng vay tài sản ngày 20 tháng 11 năm 2020 để làm thủ tục ký lại hợp đồng vay tài sản mới 200.000.000 đồng thì Công chứng viên phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 682292, thửa số 477, tờ bản đồ số 16, tại ấp 8, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà M cấp mang tên Lê Thị N vào ngày 28/8/2020 là giả nên trình báo Cơ quan Công an lập biên bản.

Vật chứng thu giữ gồm: Một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX 682292, thửa số 477, tờ bản đồ số 16, tại ấp 8, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà M cấp vào ngày 28/8/2020 mang tên Lê Thị N.

Một giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị N.

Tại bản kết luận giám định số: 01 /GD-PC09 ngày 18 tháng 12 năm 2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

1. Phôi “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số CX 682292, họ tên Lê Thị N, ngày 28/8/2020 (Ký hiệu A1) là giả.

2. Hình dấu tròn màu đỏ và chữ ký dưới mục “PHÓ GIÁM ĐỐC” trên “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số CX682292, họ tên Lê Thị N, ngày 28/8/2020 (ký hiệu A1) là hình dấu, chữ ký sao chụp.

3. Hình dấu tròn màu đỏ và chữ ký trên tài liệu cần giám định (Ký hiệu A1) là hình dấu, chữ ký sao chụp nên không cần tiến hành giám định so sánh.

4. Chữ ký dạng chữ viết “Bằng”; “bằng” và chữ viết họ tên “Triệu Công B”; “Triệu Công B” trên 02 (hai) “HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN” cùng chứng nhận ngày 20/11/2020; 02 (hai) “HỢP ĐỒNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN” không ngày tháng năm (Ký hiệu từ A2 đến A5) so với chữ ký dạng chữ viết “Bằng” dưới cụm từ “ngày 6-12-2021” và chữ viết trên cùng tài liệu “ĐƠN XIN

Rút Bị TẠM Giữ” ngày 06/12/2021, họ tên Triệu Công B (Ký hiệu M2) là do cùng một người ký và viết ra.

5. Chữ ký dạng chữ viết “nhuận” và chữ viết họ và tên “Lê Thị N” trên 02 (hai) “HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN” cùng chứng nhận ngày 20/11/2020; 02 (hai) “HỢP ĐỒNG CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VAY TÀI SẢN” không ngày tháng năm (ký hiệu A2 đến A5) so với chữ ký dạng chữ viết “nhuận” dưới cụm từ “người cam kết” và chữ viết trên cùng tài liệu “tờ cam kết” ngày 18/11/2021, họ tên Lê Thị N (Ký hiệu M3) là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Cáo trạng số: 67/CT-VKS ngày 05/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Lê Thị N về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lê Thị N theo Cáo trạng số: 67/CT-VKS ngày 05/5/2022 và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54, Điều 55, Điều 57 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 03 – 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; từ 05 – 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt từ 08 – 10 năm tù. Trách nhiệm dân sự do bị cáo đã bồi thường xong cho ông B, ông B không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Bị cáo Lê Thị N trình bày: Bị cáo có phần đất diện tích 6.681,7m² thuộc thửa số 477, tờ bản đồ số 16, tại ấp 8, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà M cấp vào ngày 28/8/2020 số CX 682292 mang tên Lê Thị N. Ngày 21/5/2021 bị cáo mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thế chấp vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện U Minh, đến nay bị cáo vẫn chưa trả nợ vay cho ngân hàng.

Ngoài khoản nợ ngân hàng, bị cáo còn nợ nhiều cá nhân khác. Do cần tiền trả nợ nên bị cáo đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có cùng nội dung thông tin thửa đất của bị cáo như đã nêu trên để dùng thế chấp vay tiền. Khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đặt làm giả, ngày 20/11/2020 bị cáo mang thế chấp cho ông Triệu Công B vay 150.000.000 đồng, có lập hợp đồng vay tài sản tại Văn phòng công chứng Đất Mũi, tại lần vay này bị cáo đã trả lãi 06 tháng 27.000.000 đồng. Khi đến hạn trả tiền nhưng bị cáo không có tiền trả, sợ bị phát hiện nên ngày 18/11/2021 bị cáo gặp ông B đề nghị đến Văn phòng công chứng Đất Mũi lập hợp đồng chấm dứt hợp đồng vay tài sản ngày 20/11/2020, lập lại hợp đồng vay mới với số tiền 200.000.000 đồng, tài sản thế chấp vẫn là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên, sau khi cân trừ các khoản tiền theo hợp đồng ngày 20/11/2020, gồm: tiền vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi phải trả của 06 tháng tiếp theo là 27.000.000 đồng thì ông B sẽ giao tiếp cho bị cáo 23.000.000 đồng, với đề nghị trên ông B đồng ý. Sau khi đã ký chấm dứt hợp đồng vay tài sản ngày 20/11/2020 thì Công chứng viên phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo dùng để thế chấp cho ông B là giả nên trình báo công an lập biên bản, vì vậy

ông B chưa kịp giao 23.000.000 đồng cho bị cáo. Bị cáo biết việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo không nghĩ hậu quả nghiêm trọng như hôm nay, bị cáo rất hối hận.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu lời bào chữa cho rằng, lần vay tài sản thứ hai bị cáo Nhuận chỉ mới dự định, mới chuẩn bị thực hiện, tội phạm chưa hoàn thành. Bị cáo chỉ chiếm đoạt của ông B 150.000.000 đồng tiền vay của lần thứ nhất và 27.000.000 đồng tiền lãi chưa trả cho ông B, tổng cộng là 177.000.000 đồng. Vì vậy hành vi của bị cáo chỉ cấu thành tội phạm theo khoản 2 Điều 341, khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là chưa đúng. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như khắc phục hậu quả bồi thường xong thiệt hại cho ông B, bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo có công với cách mạng, ông B có đơn xin bãi nại cho bị cáo, nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hai tội, tổng hợp hình phạt hai tội phạt bị cáo từ 02 – 03 năm tù.

Lời nói sau cùng: Bị cáo yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại không khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, được thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự quy định.

[2] Xét lời khai của bị cáo Lê Thị N tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, kết luận giám định, vật chứng thu giữ, và phù hợp với nhiều tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó lời khai nhận tội của bị cáo là có cơ sở chấp nhận.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Thị N nhận thức được phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 682292 thuộc thửa số 477, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp 8, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà M cấp ngày 28/8/2020 mang tên Lê Thị N, bị cáo đã thực hiện việc thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh U M đến nay bị cáo vẫn chưa trả nợ vay cho ngân hàng. Thế nhưng chỉ vì muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên trong tháng 10 năm 2020, bị cáo đã thực hiện hành vi sử dụng mạng Zalo tìm người đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung thông tin giống thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh U M số CX 682292, thửa số 477, tờ bản đồ số 16 mang tên bị cáo, khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo sử dụng mang thế chấp cho ông B vay tiền, do tin tưởng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo thế chấp là

giấy thật do cơ quan có thẩm quyền cấp, nên ngày 20/11/2020 ông B đã ký hợp đồng cho bị cáo vay 150.000.000 đồng, đến ngày 18/11/2021 cũng theo đề nghị của bị cáo, khi ông B với bị cáo đã ký xong hợp đồng chấm dứt hợp đồng vay ngày 20/11/2020 chuẩn bị ký hợp đồng vay mới với số tiền 200.000.000 đồng thì bị Công chứng viên phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 682292 thuộc thửa số 477, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp 8, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M mà bị cáo dùng để thế chấp cho ông B là giấy giả. Với hành vi của bị cáo như đã nêu trên, đã cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đúng như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau đã truy tố.

[4] Xét thấy, bằng thủ đoạn gian dối thông qua việc ký hợp đồng vay tài sản có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX 682292, thửa số 477, tờ bản đồ số 16, nên ngày 20/11/2020 ông B đã tin tưởng giao bị cáo số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 18/11/2021 cũng với thủ đoạn gian dối nêu trên, bị cáo đề nghị ông B ký với bị cáo hợp đồng chấm dứt hợp đồng vay tài sản ngày 20/11/2020 để lập lại hợp đồng vay mới thể hiện số tiền vay 200.000.000 đồng, đổi trừ tiền vay trước 150.000.000 đồng và tiền lãi còn phải trả 27.000.000 đồng, ông B sẽ giao tiếp cho bị cáo 23.000.000 đồng nên được ông B chấp nhận, tuy nhiên do bị Công chứng viên phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo dùng thế chấp là giả nên ông B chưa giao 23.000.000 đồng cho bị cáo. Như vậy có cơ sở khẳng định mục đích bị cáo ký hợp đồng ngày 20/11/2020 và ngày 18/11/2021 là để chiếm đoạt của ông B tổng số tiền 173.000.000 đồng, trong đó lần thứ nhất 150.000.000 đồng và lần thứ hai 23.000.000 đồng. Với hành vi của bị cáo như đã nêu đã cấu thành tội phạm theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự, vì vậy, người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 341 và khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau kết luận bị cáo thực hiện hành vi lừa dối để vay tiền ông B hai lần theo hợp đồng tổng cộng bằng 350.000.000 đồng, nên truy tố bị cáo phạm tội theo quy định tại b khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là chưa phù hợp.

[5] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, bởi hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của ông B, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, mà hành vi đó còn gây hoang mang bất bình trong dư luận nhân dân, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo phạm hai tội, đối với tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên; Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”; đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”, như vậy với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra, phải bị xử lý nghiêm khắc. Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt dưới mức thấp nhất của hai tội theo điều luật quy định, Hội đồng xét xử xét thấy là không đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội nên không được chấp nhận.

[6] Tuy nhiên khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại cho ông B; ông B có đơn xin bãi nại cho bị cáo; bị cáo có cha ruột tên Lê Bình Trung được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử có áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/12/2021 bị cáo đã bồi thường xong toàn bộ thiệt hại cho ông B 150.000.000 đồng, ông B không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[8] Quá trình điều tra ông B khai nhận, sau khi ông B giao bị cáo 150.000.000 đồng, bị cáo có trả lãi cho ông B 06 tháng bằng tiền là 27.000.000 đồng. Tuy nhiên, như Hội đồng xét xử đã phân tích đánh giá phần trên, thông qua hành vi gian dối của bị cáo, ông B tin tưởng là thật nên giao tiền cho bị cáo, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm hình sự. Việc bị cáo nhận được tiền từ ông B giao không phải xuất phát từ giao dịch dân sự có hiệu lực pháp luật, vì vậy không làm phát sinh nghĩa vụ trả lãi suất theo thỏa thuận. Do tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu ông B trả lại 27.000.000 đồng mà bị cáo đã trả cho ông B, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Vật chứng: Đối với một bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CX 682292, thửa số 477, tờ bản đồ số 16, tại ấp 8, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M mang tên Lê Thị N là vật chứng của vụ án, được lưu kèm theo hồ sơ vụ án nên không đề cập xử lý. Đối với bản gốc Giấy chứng minh nhân dân tên Lê Thị N là giấy tờ tùy thân bị cáo, nên trả lại cho bị cáo.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[11] Đối với người thanh niên làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bị cáo hiện Cơ quan điều tra chưa làm việc được nên tiếp tục xác minh làm rõ, khi có căn cứ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị N phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Thị N 02 (hai) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp

hình phạt bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/01/2022.

Trả lại bị cáo Lê Thị N một giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị N.

Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo Lê Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Lê Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Triệu Công B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- CAND Tp.Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp.Cà Mau;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

Phạm Việt Trung

